

**I MỤC TIÊU**

Giúp HS:

- Nhận biết và đọc đúng các vần *au, âu, êu*; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có các vần *au, âu, êu*; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.
- Viết đúng các chữ *au, âu, êu* (chữ cỡ vừa); viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần *au, âu, êu*.
- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa vần *au, âu, êu* có trong bài đọc.
- Phát triển kĩ năng nói lời *xin phép* theo tình huống được gợi ý trong tranh: Xin phép cô giáo được ra ngoài và được vào lớp.
- Phát triển kĩ năng quan sát, nhận biết nhân vật và suy đoán nội dung tranh minh hoạ qua bức tranh vẽ phong cảnh nông thôn.
- Cảm nhận được vẻ đẹp làng quê, tình cảm gia đình.

**II CHUẨN BỊ**

- Nắm vững đặc điểm phát âm của các vần *au, âu, êu*; cấu tạo, quy trình và cách viết các chữ *au, âu, êu*; nghĩa của các từ ngữ trong bài học và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này.
- *Chú tèo*: là một trong những nhân vật rối tiêu biểu trong sân khấu kịch rối nước truyền thống của Việt Nam.

**III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC****TIẾT 1****1. Ôn và khởi động**

GV hướng dẫn HS ôn lại những vần vừa học trong bài trước *ao, eo* và tạo tâm thế cho giờ học bằng hình thức tổ chức trò chơi phù hợp.

**2. Nhận biết**

- HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi *Em thấy gì trong tranh?* Một số (2 – 3) HS trả lời.
- GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo. GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo. GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: *Đàn sè nâu/ kêu riu rít ở sau nhà.*
- GV giới thiệu các vần mới *au, âu, êu*. Viết tên bài lên bảng.

### 3. Đọc

#### a. Đọc vần

- So sánh các vần
  - + GV giới thiệu vần *au, âu, êu*.
  - + Một số (2 – 3) HS so sánh vần *au, âu* với *êu* để tìm ra điểm giống và khác nhau. GV nhắc lại điểm giống và khác nhau giữa các vần.
- Đánh vần các vần
  - + GV đánh vần mẫu các vần *au, âu, êu*.
  - + Một số (4 – 5) HS nối tiếp nhau đánh vần. Mỗi HS đánh vần cả 3 vần.
  - + Lớp đánh vần đồng thanh 3 vần một lần.
- Đọc trơn các vần
  - + Một số (4 – 5) HS nối tiếp nhau đọc trơn vần. Mỗi HS đọc trơn cả 3 vần.
  - + Lớp đọc trơn đồng thanh 3 vần một lần.
- Ghép chữ cái tạo vần
  - + HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần *au*.
  - + HS tháo chữ *a*, ghép *â* vào để tạo thành *âu*.
  - + HS tháo chữ *â*, ghép *ê* vào để tạo thành *êu*.
- Lớp đọc đồng thanh *au, âu, êu* một số lần.

#### b. Đọc tiếng

- Đọc tiếng mẫu
  - + GV giới thiệu mô hình tiếng *sau*. GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng *sau*.
  - + Một số (4 – 5) HS đánh vần tiếng *sau* (*sờ - au - sau*). Lớp đánh vần đồng thanh tiếng *sau*.
  - + Một số (4 – 5) HS đọc trơn tiếng *sau*. Lớp đọc trơn đồng thanh tiếng *sau*.
- Đọc tiếng trong SHS
  - + Đánh vần tiếng. GV đưa các tiếng có trong SHS. Mỗi HS đánh vần một tiếng nối tiếp nhau (số HS đánh vần tương ứng với số tiếng). Lớp đánh vần mỗi tiếng một lần.
  - + Đọc trơn tiếng. Mỗi HS đọc trơn một tiếng nối tiếp nhau, hai lượt.
  - + Mỗi HS đọc trơn các tiếng chứa một vần. Lớp đọc trơn đồng thanh một lần tất cả các tiếng.
- Ghép chữ cái tạo tiếng
  - + HS tự tạo các tiếng có chứa vần *au, âu* hoặc *êu*. GV yêu cầu 1 – 2 HS phân tích tiếng, 1 – 2 HS nêu lại cách ghép.
  - + Lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.

### c. Đọc từ ngữ

- GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ngữ: *rau củ, con trâu, chú tều*. Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn *con trâu*, GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh. GV cho từ ngữ *con trâu* xuất hiện dưới tranh. HS nhận biết tiếng chứa vần *âu* trong *con trâu*, phân tích và đánh vần tiếng *trâu*, đọc trơn từ ngữ *con trâu*. GV thực hiện các bước tương tự đối với *rau củ, chú tều*.
- HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 - 4 lượt HS đọc. 2 - 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.

### d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ

Từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.

## 4. Viết bảng

- GV đưa mẫu chữ viết các vần *au, âu, êu*.
- GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết các vần *au, âu, êu*.
- HS viết vào bảng con: *au, âu, êu* và *rau, trâu, tều* (chữ cỡ vừa). HS có thể chỉ viết hai vần *âu* và *êu* vì trong *âu* đã có *au*.
- HS nhận xét bài của bạn.
- GV nhận xét, đánh giá và sửa lỗi chữ viết cho HS.

## TIẾT 2

## 5. Viết vở

- HS viết vào vở *Tập viết 1, tập một* các vần *au, âu, êu*; từ ngữ *con trâu, chú tều*.
- GV quan sát và hỗ trợ những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.
- GV nhận xét và sửa bài của một số HS.

## 6. Đọc đoạn

- GV đọc mẫu cả đoạn.
- HS đọc thầm và tìm các tiếng có vần *au, âu, êu*.
- Một số (4 - 5) HS đọc trơn các tiếng mới. Mỗi HS đọc một hoặc tất cả các tiếng (với lớp đọc yếu, GV cho HS đánh vần tiếng rồi mới đọc). Từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh những tiếng có vần *au, âu, êu* trong đoạn văn một số lần.
- GV yêu cầu HS xác định số câu trong đoạn văn. Một số HS đọc thành tiếng nối tiếp từng câu (mỗi HS một câu), khoảng 1 - 2 lần. Sau đó từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh một lần.
- Một số (2 - 3) HS đọc thành tiếng cả đoạn.
  - HS trả lời câu hỏi về nội dung đoạn văn đã đọc:
    - + Nhà dì Tư ở quê có những gì?
    - + Gần nhà dì có cái gì? Phía xa xa có gì?
- GV và HS thống nhất câu trả lời.

### 7. Nói theo tranh

- HS quan sát tranh trong SHS. GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời: *Các em nhìn thấy những ai trong bức tranh thứ nhất? Nam đang làm gì? Nam sẽ nói thế nào khi muốn xin phép cô ra ngoài? Các em nhìn thấy những ai trong bức tranh thứ hai? Hà nói gì với cô giáo khi vào lớp* (Gợi ý: Nam xin phép thầy/ cô giáo ra ngoài và Hà xin phép thầy/ cô giáo khi vào lớp).
- Một số (2 – 3) HS trả lời những câu hỏi trên và thực hành xin phép khi ra vào lớp.
- GV có thể mở rộng giúp HS có ý thức về việc xin phép thầy cô giáo khi ra vào lớp.

### 8. Củng cố

- HS tìm một số từ ngữ có vần *au, âu, êu* và đặt câu với từ ngữ tìm được.
- GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.
- GV lưu ý HS ôn lại các vần *au, âu, êu* và khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà.